

Số: /KH-KKTKCN

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030 của Ban Quản lý Khu kinh tế
và Khu công nghiệp tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 5881/KH-UBND ngày 30/4/2026 của UBND tỉnh về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030, Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa (Ban Quản lý) xây dựng Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/1/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/2/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và chi tiết triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/2/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 5881/KH-UBND ngày 30/4/2026 của UBND tỉnh thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030.

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy và UBND tỉnh để triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả; đồng thời, triển khai đầy đủ, toàn diện các nhiệm vụ chuyển đổi số phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của Ban Quản lý; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và lộ trình triển khai thực hiện.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

* Giai đoạn 2026 – 2027:

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến (viết tắt là DVCTT).

* Giai đoạn 2028 – 2030:

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC) được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

- 100% TTHC nội bộ được xử lý trên môi trường điện tử.

- 100% công chức, viên chức và người lao động (CCVC) của Ban Quản lý được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

* Giai đoạn 2028 – 2030:

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% CCVC thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- 100% nhiệm vụ được giao được thực hiện theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% CCVC cơ quan sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Tăng cường công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (viết tắt là KHCN, ĐMST, CDS và ĐA06) trong các hoạt động CDS của Ban Quản lý.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu của đơn vị trong công tác chỉ đạo, triển khai CDS; bảo đảm người đứng đầu đơn vị là Trưởng Ban chỉ đạo về KHCN, ĐMST, CDS và ĐA06 và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác CDS.

- Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển KHCN, ĐMST, CDS và ĐA06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ban Quản lý.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng, triển khai và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành của UBND tỉnh để thúc đẩy CDS, trong đó ưu tiên chính sách phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sử dụng DVCTT.

- Nghiên cứu xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Khánh Hòa phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển Chính quyền số tỉnh Khánh Hòa; danh mục các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh; danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở; quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng, ban hành quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (viết tắt là CSDL) của đơn vị.

3. Hạ tầng số

- Thực hiện chuyển đổi IPv6 đối với từng hệ thống thông tin, ưu tiên các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp; các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ hoạt động chính quyền 2 cấp.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng di động 4G, 5G trên diện rộng; phủ sóng 5G 100% tại khu kinh tế, khu công nghiệp (viết tắt là KKT, KCN).

- Từng bước trang bị, nâng cấp và duy trì các phần mềm có bản quyền, nền tảng số và công cụ số phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, xử lý công việc trên môi trường điện tử, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phù hợp với điều kiện thực tế của Ban Quản lý; ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung của tỉnh, các giải pháp điện toán đám mây và thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

4. Nhân lực số

- Tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về CDS cho CCVC tại đơn vị.

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao tư duy CDS, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho CCVC.

5. Phát triển dữ liệu số

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng có hiệu quả các CSDL chuyên ngành (CSDL được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2073/QĐ-UBND ngày 15/6/2026).

- Nghiên cứu, xây dựng Kho dữ liệu nội bộ của Ban Quản lý để tổng hợp, phân tích, cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống thông tin nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng phương án bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu trước khi kết nối, đồng bộ dữ liệu.

6. Bảo đảm an ninh mạng

- Bảo đảm 100% hệ thống thông tin của Ban Quản lý được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ trước khi đưa vào vận hành.

- Hằng năm cử CCVC chuyên trách CNTT/ATTT tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu, lớp tập huấn, hội thảo phổ biến pháp luật và kỹ năng bảo vệ an toàn thông tin do cơ quan có chuyên môn chủ trì thực hiện.

- Đẩy mạnh tuyên truyền các hình thức lừa đảo trực tuyến nhằm tăng cường khả năng cảnh giác và ứng phó cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn KKT, KCN bằng nhiều hình thức bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn.

- Chủ động rà soát, đánh giá và đề xuất nhu cầu nhân lực chuyên trách về an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu và xây dựng phương án đào tạo, bổ sung nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình thực tế.

7. Chính quyền số

- Tổ chức vận hành, khai thác có hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh bảo đảm 100% đối với các nội dung:

+ 100% văn bản đi, đến được tham mưu xử lý trên phần mềm quản lý văn bản điều hành E-OFFICE, được ký số đầy đủ và trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử;

+ 100% CCVC sử dụng thư điện tử công vụ trong việc gửi nhận văn bản trên môi trường mạng;

+ 100% dữ liệu cá nhân của CCVC được cập nhật và quản lý hoàn toàn trên phần mềm;

+ 100% các nền tảng ứng dụng được quản lý, vận hành theo các quy định về cấp độ an toàn thông tin, đặc biệt là công tác bảo mật thông tin, dữ liệu của tổ chức, cá nhân khi tham gia sử dụng;

+ 100% TTHC được chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm và đơn giản hóa trên cơ sở sử dụng xác thực, chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các nguồn cơ sở dữ liệu của tỉnh;

+ 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt trên 90%;

+ 100% thông tin, dữ liệu về trao đổi, giao tiếp giữa Ban Quản lý và người dân, doanh nghiệp; về phản ánh, kiến nghị và tương tác xã hội được số hóa và cung cấp trên môi trường điện tử;

+ 100% thông tin, dữ liệu về hoạt động của Ban Quản lý cung cấp công khai, minh bạch hàng ngày trên môi trường điện tử.

- Bảo đảm 100% CCVC được trang bị đầy đủ các phần mềm và công cụ số có bản quyền hoặc được cấp phép hợp pháp để phục vụ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tham mưu và hiệu quả quản lý nhà nước.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động chuyên môn của ngành, lĩnh vực quản lý góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Tiếp tục triển khai phong trào học tập qua nền tảng “Bình dân học vụ số” đến toàn thể CCVC để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số và kỹ năng số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền các giải pháp đẩy mạnh CDS, bảo đảm an toàn thông tin

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về CDS đến toàn thể CCVC, doanh nghiệp và nhà đầu tư trong KKT, KCN bằng các hình thức khác nhau.

- Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về CDS gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Thực hiện truyền thông các chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, an toàn thông tin đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn KKT, KCN tỉnh.

III. DANH MỤC NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2026- 2030

Danh mục các dự án, nhiệm vụ CNTT của Ban Quản lý giai đoạn 2026 - 2030 (*Phụ lục I, II kèm theo*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo CDS

Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo CDS tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

2. Ban Biên tập Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý

- Có trách nhiệm thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý.

- Thực hiện cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

3. Văn phòng

- Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc CCVC cơ quan thực hiện tốt kế hoạch này.

- Tổng hợp, lập kinh phí hoạt động CDS và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin của Ban Quản lý.

- Thực hiện tổng hợp nội dung thực hiện nhiệm vụ của các phòng để báo cáo định kỳ hằng năm **trước ngày 30/11** hoặc đột xuất về công tác CDS của Ban Quản lý theo quy định.

- Chủ động tham mưu và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chỉ số CDS của Ban Quản lý.

4. Các phòng, đơn vị

Chịu trách nhiệm phối hợp với Văn phòng để kiểm tra, đôn đốc CCVC của phòng thực hiện các nội dung nhiệm vụ tại Phụ lục I và Phụ lục II theo kế hoạch và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng **trước ngày 30/11 hằng năm** để tổng hợp gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030 của Ban Quản lý; trong quá trình triển khai thực hiện, Ban Quản lý sẽ rà soát, đề xuất bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (VBĐT);
- UBND tỉnh-b/c (VBĐT);
- LĐ Ban (VBĐT);
- Các phòng, BQLDA (VBĐT);
- Trang TTĐT;
- Lưu: VT, VP, LPTH.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phan Châu Vinh

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, THỰC HIỆN TRONG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(kèm theo Kế hoạch số /KH-KKTKCN ngày 18/6/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả
1	Người đứng đầu đơn vị là Trưởng Ban Chỉ đạo về KHCN, ĐMST, CDS và ĐA06	Văn phòng	Các phòng, Ban QLDAHT	Năm 2026 – 2030	Quyết định
2	Ban hành kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành về CDS cho toàn thể CCVC, doanh nghiệp	Các phòng, Ban QLDAHT	Văn phòng	Năm 2026 – 2030	Quyết định; kế hoạch; văn bản triển khai
3	Tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về CDS cho CCVC trong đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các phòng, Ban QLDAHT	Năm 2026 – 2030	Văn bản đăng ký triển khai
4	Triển khai các CSDL chuyên ngành đã đăng ký triển khai được duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND	Phòng Doanh nghiệp – Giám sát đầu tư; Phòng Kế hoạch – Đầu tư và Xúc tiến;	Đơn vị doanh nghiệp đồng hành	Năm 2026 – 2030	CSDL chuyên ngành
5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng, phát triển, khai thác sử dụng CSDL chuyên ngành	Phòng Doanh nghiệp – Giám sát đầu tư; Phòng Kế hoạch – Đầu tư và Xúc tiến; đơn vị doanh nghiệp đồng hành	Đơn vị doanh nghiệp đồng hành	Năm 2026 – 2030	Hệ thống hoạt động ổn định
6	Chủ động rà soát, đánh giá và đề xuất nhu cầu nhân lực chuyên trách về an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu và xây dựng phương án đào tạo, bổ sung nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	Văn phòng	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026 – 2030	Văn bản

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả
7	Tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” đến toàn bộ CCVC công tác tại đơn vị;	Văn phòng	Công an tỉnh	Năm 2026 – 2030	Báo cáo; văn bản triển khai
8	Tuyên truyền nhiệm vụ và giải pháp về CDS gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng	Văn phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026 – 2030	Văn bản triển khai; bản tin trên Trang Thông tin điện tử
9	Duy trì hoạt động, bản tin của chuyên mục KHCN, ĐMST và CDS đủ 50 tin bài/năm trên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý	Văn phòng	Các phòng, Ban QLDAHT	Năm 2026 – 2030	Báo cáo kết quả
10	Phối hợp truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, an toàn thông tin đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Văn phòng	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Năm 2026 – 2030	Khi có văn bản triển khai của đơn vị có thẩm quyền
11	Rà soát, trang bị, nâng cấp và duy trì các phần mềm có bản quyền, nền tảng số và công cụ hỗ trợ công việc phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin và triển khai ứng dụng AI tại Ban Quản lý	Văn phòng	Các phòng, Ban QLDAHT; Sở, ban, ngành có thẩm quyền	Năm 2026 – 2030	100% thiết bị được trang bị phần mềm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và theo đúng quy định của pháp luật

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ CNTT SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(kèm theo Kế hoạch số /KH-KKTKCN ngày 18/6/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Căn cứ pháp lý	Mục tiêu, nội dung đầu tư (dự kiến)	Thời gian triển khai	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Nâng cấp Trang thông tin điện tử Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	Văn phòng	Công văn số 6347/UBND-DN&KSTT	Nâng cấp Trang thông tin điện tử Ban Quản lý nhằm tăng tính bảo mật, hỗ trợ tốt hơn trên nền tảng di động nhằm cung cấp thông tin đến người dân, nhà đầu tư và doanh nghiệp	Quý II/2026	Ngân sách tỉnh	500	
2	Xây dựng triển khai CDS trong công tác quản lý và điều hành khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Văn phòng	Quyết định 1689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 về đột phá phát triển KHCCN, ĐMST, CDS quốc gia; Thông báo số 443/TB-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 2364/KH-UBND ngày 06/2/2026 của UBND tỉnh		2026 - 2030	Ngân sách tỉnh	6.000	